

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày: 27/5/2020.
V/v Tranh chấp về dân sự
ranh giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải

Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2018/TLST-DS, ngày 12/4/2018 về việc “Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất”, theo Thông Báo mở lại phiên tòa số 32/2020/QĐST - DS, ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số A, khóm TP, phường HT, thành phố CL, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị H là Phạm Thanh V, sinh năm 1993;

Địa chỉ: tổ J, khóm MH, phường C, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2018).

- Bị đơn:

1. Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số U, khóm TP, phường HT, thành phố CL, Đồng Tháp.

2. Lưu Dân Hg, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số K, khóm TP, phường HT, thành phố CL, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1968;

2. Trương Thị Hương Hn, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Tổ J, khóm TP, phường HT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Nguyễn Thị Thu Hx, sinh năm 1965;

4/ Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1992;

5/ Nguyễn Thị Bé Tm, sinh năm 1964;

6/ Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Tổ J, khóm TP, phường HT, thành phố CL, Đồng Tháp.
(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có mặt; Người liên quan vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Thanh V trình bày:

Tháng 5/2017, bà H có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông B, bà Hn diện tích 383m² đất cây lâu năm, thuộc thửa 1392, TBĐ số 06, tọa lạc tại phường HT. Bà H được UBND Thành phố CL cấp GCN QSDĐ ngày 04/5/2017. Giáp ranh với đất của bà H là đất của ông M, ông Hg. Ông M nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông B, bà Hn diện tích 243m² (ngang 4,5m x dài 54m); ông Hg nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông B, bà Hn diện tích 324m² (ngang 6m x dài 54m).

Khi ông B, bà Hn chuyển nhượng cho ông M, ông Hg thì chỉ đo chiều ngang cho đủ, còn chiều dài thì không đo vì giáp phía sau là đất quy hoạch. Ông B, bà Hn xác định khi chuyển nhượng cho ông M, ông Hg là tính từ mé đường A vào chứ không có trừ vỉa hè. Nhưng ông M, ông Hg lại cho rằng QSDĐ của các ông là tính từ mé trong vỉa hè dài vô. Nếu tính như các ông thì đã lấn vào QSDĐ của bà H. Cụ thể, ông M lấn 13,5m² (ngang 4,5m x dài 4m), ông Hg lấn 18m² (ngang 6m x dài 3m). Diện tích lấn chiếm hiện do ông M, ông Hg đang quản lý, sử dụng.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án xác định ranh giới QSDĐ giữa bà H và ông Nguyễn Ngọc M và ông Lưu Dân Hg. Buộc ông Nguyễn Ngọc M và ông Lưu Dân Hg phải trả cho bà H lần lượt là 13,5m² và 18m² thuộc thửa 1392, TBĐ số 06, tọa lạc tại phường HT.

- Tại phiên tòa sơ thẩm anh Phạm Thanh V là người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu như sau:

+ Xác định ranh đất giữa bà H với ông Nguyễn Ngọc M là đường thẳng từ M3 đến M14. Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M trả lại diện tích 12,5 m² đã lấn chiếm theo các mốc M3, M4, M15, M14 về M3 và yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M di dời toàn bộ nhà tạm 01 bô nền đã xây trên đất diện tích 12,5m². Bà H tự nguyện hỗ trợ di dời số tiền 1.000.000 đồng.

+ Xác định ranh đất giữa bà H với ông Lưu Dân Hg là đường thẳng từ M9 đến M12. Yêu cầu ông Lưu Dân Hg trả lại diện tích đất 11,0 m² từ các mốc M8, M9, M12, M13 đến M8.

- Bị đơn ông Lưu Dân Hg trình bày:

Năm 2006, ông nhận chuyển nhượng của bà Hn và ông B ngang 6m, dài 40m, tính từ mé trong vỉa hè do lúc này đã có quy hoạch vỉa hè, có sẵn 04 trụ đá. Năm 2013, ông nhận chuyển nhượng thêm nối tiếp đất đã chuyển nhượng trên ngang 6m, dài 14 m. Khi chuyển nhượng địa chính có xuống đo đạc nhưng không cắm mốc ranh.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Lưu Dân Hg không đồng

ý theo yêu cầu của bà H vì cho rằng 02 lần chuyển nhượng của ông thì diện tích đất của ông phải có chiều dài là 54m (không tính phần vỉa hè) nên ranh giới quyền sử dụng đất của ông Hg với bà H là đường thẳng nối từ mốc M8 đến M13. Do đó, ông Hg không lấn chiếm đất của bà H, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà H.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Năm 2014, ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông B và bà Hn ngang 4,5 m, dài 54 m tính từ mé trong của vỉa hè. Năm 2006 và 2007 bà Hn và ông B đã nhận xong tiền bồi thường do mở rộng đường A, có cả quy hoạch vỉa hè nhưng vỉa hè không bồi thường do dân hiến đất làm vỉa hè mới chuyển nhượng đất cho tôi. Do đó, chiều dài đất chuyển nhượng phải tính từ mé trong của vỉa hè.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc M không đồng ý theo yêu cầu của bà H, bởi vì ranh giới quyền sử dụng đất của ông M với bà H là đường thẳng nối từ mốc M4 đến M15 nên ông M không lấn chiếm đất của bà H, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Hương Hn trình bày:

Năm 2006, ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Hương Hn chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Hg ngang 6 m, dài 40 m; năm 2013 bán thêm nối tiếp dài 14 m, ngang 06 m, tổng cộng chiều dài là 54m, tính từ mé đường A đo vô (kể cả vỉa hè 3m). Năm 2014, ông Nguyễn Văn B và bà Trương Thị Hương Hn chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông M ngang 4,5 m, dài 54 m tính từ mé đường A đo vô đến mé quy hoạch (kể cả vỉa hè 3m). Phần diện tích đất còn lại là phần đất quy hoạch ngang trước 16,94 m, ngang sau 16,49 m, cạnh dài giáp ông Nguyễn Ngọc Tr là 23,16 m, cạnh dài còn lại 22,69 m chuyển nhượng toàn bộ cho bà H năm 2017.

Do đất đã chuyển nhượng cho nguyên đơn và bị đơn, họ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc tranh chấp của hộ ông B, bà Hn không có ý kiến.

- Bà Nguyễn Thị Bé Tm trình bày: Vào thời điểm trước năm 2014 bà cùng con bà là Tống Thiện Thanh Hx có ở chung hộ khẩu với ông Nguyễn Văn B nhưng chỉ ở nhờ để có hộ khẩu tại thành phố CL. Còn về phần đất đai thì hoàn toàn của ông Nguyễn Văn B chứ bà và Hoài không có liên quan đến phần đất ông B đã chuyển nhượng cho bà H, ông M và ông Hg. Sau năm 2014, thì bà cắt hộ khẩu ra ở riêng đến nay không ở chung hộ với ông B nữa. Về phần tranh chấp giữa các bên thì bà không có ý kiến.

- Những người liên quan trong hộ ông B không có văn bản ý kiến.

- Phần chứng cứ các bên cung cấp và thống nhất: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, Biên bản định giá của Tòa án; hồ sơ cấp đất của các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Đề nghị Tòa án đưa Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội ra khỏi vụ án vì các phần đất tranh chấp giữa các bên không có thể chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà H với ông Nguyễn Ngọc M là đường thẳng từ M3 đến M14. Ông Nguyễn Ngọc M phải trả lại diện tích 12,5 m² đã lấn chiếm theo các mốc M3, M4, M15, M14 về M3 và phải di dời toàn bộ nhà tạm 01 bô nền đã xây trên đất diện tích 12,5m².

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H hỗ trợ di dời số tiền 1.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc M.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà H với ông Lưu Dân Hg là đường thẳng từ M9 đến M12. Ông Lưu Dân Hg trả lại diện tích đất 11,0 m² từ các mốc M8, M9, M12, M13 đến M8. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên về quyền kê khai quyền sử dụng đất giữa các bên cũng như các vấn đề liên quan khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “tranh chấp về dân sự ranh giới quyền sử dụng đất”; Đất tranh chấp tọa lạc tại phường HT, thành phố CL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Qua xem xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa với những chứng cứ mà các bên cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về diện tích đất:

+ Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Lưu Dân Hg được cấp tại thửa 437 và thửa 1055 với chiều dài cạnh giáp đất ông Triết 53,62m; 01 cạnh giáp Nguyễn Thị H dài 53,87 m. Qua đo đạc theo thực tế sử dụng thì cạnh giáp đất ông Triết 55,65 m; 01 cạnh giáp Nguyễn Thị H dài 54,94m (chưa kể phần diện tích tranh chấp). Như vậy, phần đất ông Hg sử dụng đã thừa hơn so với phần đất ông chuyển nhượng (01 cạnh thừa 2,03m; cạnh còn lại thừa 1,07m).

+ Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Ngọc M được cấp tại thửa 1064 (tách thành 02 thửa là 1213 và 1214) với chiều dài cạnh giáp bà H 53,96m; 01 cạnh giáp Nguyễn Thị H (đang tranh chấp ranh) dài 53,96 m. Qua đo đạc theo thực tế sử dụng thì cạnh giáp đất bà H 54,77m; 01 cạnh giáp Nguyễn Thị H (đang tranh chấp) dài 54,46m (chưa kể phần diện tích tranh

chấp). Như vậy, phần đất ông M sử dụng đã thừa hơn so với phần đất ông chuyển nhượng (01 cạnh thừa 0.81m; cạnh còn lại thừa 0.5m).

- Về trình tự cấp đất:

+ Tại công văn trả lời số 78/CNVPĐK - TPCL ngày 10/02/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận: Khi các bên chuyển nhượng đất giữa các bên thì Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố căn cứ vào thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận QSD đất để làm thủ tục chuyển nhượng. Đối với phần đất vỉa hè thì có thể hiện trong hồ sơ cấp đất giữa các đương sự.

+ Theo hồ sơ cấp đất lần đầu cho hộ ông Lưu Dân Hg thì không có chữ ký xác định ranh đất của các bên và đất cấp là tới mé lộ chứ không thừa vỉa hè.

+ Theo giấy tay bán đất giữa ông B, bà Hn với ông Nguyễn Ngọc M và hồ sơ cấp đất cho ông Nguyễn Ngọc M thì không có chữ ký xác định ranh đất của các bên và đất cấp là tới mé lộ chứ không thừa vỉa hè.

+ Theo sơ đồ giải thửa đất của bà Nguyễn Thị H thì hình thể thửa đất là hình vuông là phù hợp với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc xác định ranh đất là đường thẳng.

- Về quá trình sử dụng đất: Theo ông B, bà Hn trình bày khi chuyển nhượng đất cho ông Lưu Dân Hg và Nguyễn Ngọc M (chuyển lần đầu) là chuyển nhượng từ mé lộ vì lúc chuyển nhượng đường A chưa làm. Khi mua bán đất xong đã giao đất cho các bên sử dụng, còn phần đất của ông M tranh chấp với bà H diện tích 12,5 m² là do trước đó đất sau hậu có quy hoạch nên cho ông M mượn sử dụng tạm, còn phần tranh chấp giữa ông Hg với bà H là 11 m² thì do ông Hg tự xác định chứ khi mua bán không có cắm mốc ranh. Do đó, xác định việc chuyển nhượng đất giữa các bên là chuyển nhượng từ mé lộ nhựa.

Từ các căn cứ trên cho thấy: Diện tích đất các bên (không kể phần diện tích tranh chấp) thì các bên đều dư; Trình tự cấp đất thiếu chữ ký xác nhận ranh đất là chưa phù hợp; Việc chuyển nhượng đất và hồ sơ cấp đất thể hiện là đất cấp đến mé lộ.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu xác định ranh đất giữa bà H với ông Nguyễn Ngọc M là đường thẳng từ M3 đến M14. Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M trả lại diện tích 12,5 m² đã lấn chiếm theo các mốc M3, M4, M15, M14 về M3 và yêu cầu ông Nguyễn Ngọc M di dời toàn bộ nhà tạm 01 bô nền đã xây trên đất diện tích 12,5m² là phù hợp với nhận định tại mục [2] nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H hỗ trợ di dời số tiền 1.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc M.

- Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H tại phiên tòa sơ thẩm yêu cầu xác định ranh đất giữa bà H với ông Lưu Dân Hg là đường thẳng từ M9 đến M12. Yêu cầu ông Lưu Dân Hg trả lại diện tích đất 11,0 m² từ các mốc M8, M9, M12, M13 đến M8 là phù hợp với nhận định tại mục [2] nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp

luật. Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 11-7-2019 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11-7-2019).

[4] Các vấn đề khác:

- Đối với ông B, bà Hn xác định khi chuyển nhượng thì hộ ông, bà chuyển nhượng đất từ mí lộ, tuy nhiên các đương sự không có yêu cầu gì đối với hộ ông B, bà Hn nên không đặt vấn đề giải quyết đối với hộ ông B, bà Hn.

- Đối với anh Tổng Thiện Thanh Hx là người có chung hộ khẩu với ông B và bà Hn tại thời điểm chuyển nhượng đất xác nhận ký vào hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng với tư cách là người chung hộ chứ không liên quan đến phần đất của ông B, bà Hn, đồng thời anh Hx có văn bản từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án không đưa anh Hx vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội xác định phần đất các bên tranh chấp không có thể chấp vay tại Ngân hàng nên Tòa án đưa Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội ra khỏi vụ án.

[5] Về đề nghị của Viện kiểm sát:

- Tại phiên Tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hg và ông M mỗi bên chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá như sau: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng; Chi phí đo đạc theo hợp đồng 2.621.000 đồng; chi phí định giá 600.000 đồng. Tổng cộng: 4.021.000 đồng, mỗi bên chịu 2.010.500 đồng. Do bà H đã nộp tạm ứng và chi xong nên Nguyễn Ngọc M và Lưu Dân Hg mỗi người nộp lại số tiền 2.010.500 đồng để trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003118 ngày 10-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL.

- Ông Lưu Dân Hg và ông Nguyễn Ngọc M thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm

2015; Điều 100; Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật đất đai; Điều 175 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

+ Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Ngọc M là đường thẳng từ M3 đến M14.

Ông Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ trả lại diện tích 12,5 m² đã lấn chiếm theo các mốc M3, M4, M15, M14 về M3 và phải di dời toàn bộ nhà tạm 01 bô nền đã xây trên đất diện tích 12,5m² cho bà H.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H hỗ trợ di dời số tiền 1.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc M.

+ Ranh giới quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H với ông Lưu Dân Hg là đường thẳng từ M9 đến M12. Ông Lưu Dân Hg có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 11,0 m² từ các mốc M8, M9, M12, M13 đến M8 cho bà Nguyễn Thị H.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật

Các đương sự được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tỉnh Đồng Tháp ngày 11-7-2019 và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11-7-2019).

2. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hg và ông M mỗi bên chịu ½ chi phí như sau: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 800.000 đồng; Chi phí đo đạc theo hợp đồng 2.621.000 đồng; chi phí định giá 600.000 đồng. Tổng cộng: 4.021.000 đồng, mỗi bên chịu 2.010.500 đồng. Do bà H đã nộp tạm ứng và chi xong nên ông Nguyễn Ngọc M và ông Lưu Dân Hg mỗi người nộp lại số tiền 2.010.500 đồng để trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

3 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng án phí số 0003118 ngày 10-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL.

- Ông Lưu Dân Hg và ông Nguyễn Ngọc M thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Minh Tùng